TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 110/2020/DS-ST Ngày 21-12-2020 *V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;
Ông Bùi Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1989 và chị Đoàn Thị H, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm E, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1955 và bà Kim Thị Nh, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm Tr, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Trình Kiên C, sinh năm 1991; địa chỉ: số 132, đường Ng, thị trấn V, huyện Th, thành phố Hà Nội (theo văn bản ủy quyền ngày 09-12-2020).

(Tại phiên tòa có mặt chị H, anh C, ông T; vắng mặt anh T đã ủy quyền cho ông C; vắng mặt bà Nh có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09-10-2020, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Văn T, chị Đoàn Thị H trình bày:

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên ngày 21-6-2020 (tức ngày 01-5-2020 âm lịch), vợ chồng ông Phạm Ngọc T và bà Kim Thị Nh có gặp vợ chồng anh T, chị H để vay số tiền 621.000.000đvới mức lãi suất thỏa thuận 2%/tháng và 21,5 chỉ vàng 9999 và hẹn vợ chồng anh T, chị H đến ngày 01-12-2020 sẽ trả dần gốc đồng thời hàng tháng sẽ thanh toán tiền lãi cho vợ chồng anh T, chị H. Trong giấy vay nợ, ông Tg là người trực tiếp ghi, ngày tháng cho vay tính theo

ngày dương và cả ngày âm lịch, có ghi tên người vay, người cho vay, số tiền và số vàng cho vay. Có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, vợ chồng ông T bà Nh cùng con trai là Phạm Văn T ký tên. Tuy nhiên, từ sau khi vay tiền và vàng đến nay vợ chồng anh Tiên, chị H đòi lãi nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà Nhkhông trả lãi hàng tháng cho vợ chồng anh T, chị H lần nào. Tuy chưa đến hạn thanh toán trả số tiền gốc 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng nhưng ông T, bà Nh đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng. Do đó, vợ chồng anh T, chị H đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Ngọc T và bà Kim Thị Nh phải thanh toán trả nợ số tiền gốc 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999 và tiền lãi của số tiền 621.000.000đ theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21-6-2020 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Ngọc T, bà Kim Thị Nh trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông T, bà Nh có quen với mẹ đẻ chị H là bà Bùi Thị H, năm 2012 vợ chồng ông T, bà Nh có vay của bà H số tiền 8.000.000đ và 5 chỉ vàng 9999 với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng đối với tiền, lãi vàng là 50.000đ/1 chỉ/1 tháng, có thỏa thuận phải trả hàng tháng. Đến năm 2015, vợ chồng ông T có vay tiền gốc ban đầu của anh T, chị H số tiền là 19.000.000đ. Sau đó, bà H mẹ chị H có nói với vợ chồng ông T, bà Nh là anh T, chị H sẽ trả giúp vợ chồng ông T, bà Nh số tiền 8.000.000đ và 5 chỉ vàng cho bà H, và số tiền vàng này chuyển sang vợ chồng ông T, bà Nh nợ của anh T, chị H, ông T bà Nh nhất trí. Như vậy, tổng số tiền và vàng gốc ban đầu vợ chồng ông T, bà Nh có nợ anh T, chị H là 27.000.000đ và 5 chỉ vàng 9999, lãi suất vẫn thỏa thuận như khi bà H cho vợ chồng ông T, bà Nh vay. Sau đó, vợ chồng ông T, bà Nh có trả nợ cho anh T, chị H được một ít nhưng lại vay lại. Việc trả rồi vay lại diễn ra rất nhiều lần nên vợ chồng ông T, bà Nh không nhớ chính xác số tiền và vàng vay gốc là bao nhiêu. Mỗi lần vay tiếp hay trả lãi hai bên có chốt lại số nợ bằng giấy vay nợ, rồi lại hủy tờ chốt nợ trước đi, các giấy chốt nợ đều do vợ chồng anh T, chị H giữ có đưa cho ông T giữ bản photo. Khoảng 2 năm gần đây vợ chồng ông T, bà Nh thường xuyên đau ốm không làm ra tiền nên không có khả năng trả lãi hàng tháng cho vợ chồng anh T, chị H nữa, do anh T, chị H tính lãi cao. Đến ngày 21-6-2020, chị H đến nhà ông Tưởng, bà Nhạn để chốt nợ, sau khi chị H tính toán cộng cả lãi vào gốc thì chốt lại số tiền vợ chồng ông T, bà Nh còn nợ vợ chồng anh Tiên chị H là 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999. Chị H yêu cầu ông T viết giấy vay nợ mới, ông T nhất trí viết giấy bà Nh ký và đưa chị H giữ bản gốc. Ông T, bà Nh công nhận giấy vay nợ ngày 21-6-2020 chị H nộp cho Tòa án là do ông T viết, có chữ ký của vợ chồng ông T, bà Nh và con trai Phạm Văn T. Do từ ngày 21-6-2020 đến nay, vợ chồng ông T, bà Nh không trả được lãi hàng tháng cho anh T, chị H nên anh T chị H khởi kiện đòi nợ yêu cầu ông T và bà Nh phải trả số tiền gốc cho vợ chồng anh T chị H là 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999 và tiền lãi của số tiền 621.000.000đ theo quy định của pháp luật tính từ ngày 21-6-2020 đến khi Tòa án xét xử vụ án. Ông T, bà Nh cũng chấp nhận việc khởi kiện này. Đến nay, vợ chồng ông T, bà Nh công nhận

còn nợ anh T, chị H số tiền gốc 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999 nhưng ông Tưởng, bà Nh không có để trả luôn mà chỉ có thể trả dần nhưng chưa có phương thức trả nợ cụ thể. Về lãi suất tính từ ngày 21-6-2020 đến nay của số tiền 621.000.000đ, vì hoàn cảnh gia đình ông T, bà Nh hiện nay khó khăn, không có khả năng trả lãi nên ông T, bà Nh đề nghị anh T, chị H không tính lãi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H, anh Trình Kiên C đại diện theo ủy quyền của anh T yêu cầu ông T bà Nh phải trả số tiền gốc cho vợ chồng anh T chị H là 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999, xin rút yêu cầu về phần tính lãi đối với số tiền 621.000.000đ.

Bị đơn ông T vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày: nhất trí trả số tiền gốc 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999 cho vợ chồng anh T và chị H và đề nghị được trả nợ dần.

Bà Nh vắng mặt đã có đơn xin xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản, Quyết định tố tụng cho các đương sự, nguyên đơn anh Phạm Văn T đã ủy quyền cho anh Trình Kiên C, bị đơn bà Kim Thị Nh có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặtanh T, bà Nh là phù hợp với các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]*Về nội dung vụ án:*

Căn cứ lời khai của các đương sự; 01 giấy vay nợ ghi ngày 21-6-2020 (tức ngày 01-5-2020 âm lịch) do ông T viết, có chữ ký của ông T, bà Nh được ông T, bà Nh thừa nhận nên có đủ cơ sở kết luận việc ông T, bà Nh vay tài sản của anh T, chị H số tiền 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999 là sự việc có thật.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T, chị H vẫn giữ yêu cầu đề nghị Tòa án buộc ông T, bà Nh phải trả số tiền gốc 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999 và tiền lãi của số tiền 621.000.000đ từ ngày vay (21-6-2020) đến ngày xét xử. Ông T, bà Nh chấp nhận việc khởi kiện của anh T, chị H, chấp nhận trả số tiền nợ gốc 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999, còn lãi suất không có khả năng trả nên ông T đề nghị được xin lãi.

[3] *Về lãi suất*: Tại giấy vay nợ ngày 21-6-2020 do chị H nộp cho Tòa án có ghi thời hạn trả nợ gốc và thỏa thuận về lãi suất đối với số tiền 621.000.000đ là 2%/tháng nhưng từ ngày viết giấy đến nay ông T, bà Nh có công nhận chưa thực hiện việc trả lãi lần nào cho anh T, chị H. Như vậy, hợp đồng vay giữa anh T, chị H và ông T, bà Nh được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông T, bà Nh có đề nghị anh T, chị H

không tính lãi của số tiền 621.000.000đ do hoàn cảnh của ông bà đang khó khăn. Tại phiên tòa chị H và anh C là người được anh T ủy quyền xin rút yêu cầu về tính lãiđối với số tiền 621.000.000đ và chấp nhận đề nghị của ông T về việc không tính lãi.

Xét thấy việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu tính lãi đối với số tiền 621.000.000đ của nguyên đơn là phù hợp.

[4]*Về nghĩa vụ trả nợ:*

Xét việc vay tài sản của ông T, bà Nh mục đích phát triển kinh tế gia đình nên ông T, bà Nh đều phải chịu trách nhiệm đối với khoản vay của anh T, chị H. Quá trình giải quyết vụ án, ông Tưởng, bà Nhạn đã công nhận số nợ gốc là 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999. Tuy nhiên, ông T, bà Nh cho rằng đây là số tiền và vàng anh T, chị H có tính cả lãi cộng vào gốc nhưng ông T, bà Nh cũng không nhớ chính xác số tiền và vàng vay gốc là bao nhiêu và không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc tính lãi này nên không yêu cầu Tòa án xem xét lại đối với tiền lãi mà anh T, chị H đã tính.

Từ những căn cứ, nhận định ở trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Phạm Văn T, chị Đoàn Thị H; buộc vợ chồng ông Phạm Ngọc T, bà Kim Thị Nh phải có trách nhiệm trả cho anh T, chị H số tiền gốc 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 9999 theo quy định tại các Điều 166; 466; 470 Bộ luật dân sự.

[5] *Về án phí*: Ông T, bà Nh thuộc đối tượng người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí nên ông T, bà Nh không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứvào Điều166; 463; 466; 468; 470Bộ luật Dân sự; Điều 227, 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi của anh Phạm Văn T và chị Đoàn Thị H.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T và chị Đoàn Thị H đòi nợ số tiền gốc 621.000.000đ và 21,5 chỉ vàng 999 đối với vợ chồng ông Phạm Ngọc T, bà Kim Thị Nh là hợp pháp.

Buộc vợ chồng ông Phạm Ngọc T, bà Kim Thị Nh có trách nhiệm trả nợ cho anh Phạm Văn T, chị Đoàn Thị H số tiền gốc là 621.000.000đ*(sáu trăm hai mươi mốt triệu đồng)* và 21,5 (*hai mươi mốt phảy lăm*) chỉ vàng 9999.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Án phí: Căn cứ Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án: Ông Phạm Ngọc T và bà Kim Thị Nh không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Phạm Văn T và chị Đoàn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) tại biên lai thu số AA/2017/0002414 ngày 19-11-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Nh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga